

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B án số: 38/2020/HS-ST

Ngày 15 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Tuyền

Ông Lò Văn Sung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Phúc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Xuân, Kiểm sát V.

Ngày 15/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phìn Văn V**; Tên gọi khác: Phìn Văn N; Sinh năm 1977 tại tỉnh C; Nơi ĐKKHTT: Tổ 2, phường Đ, thành phố C, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Phìn Văn D, sinh năm 1946 và con bà Pờ Thị S, sinh năm 1952; Vợ, con: chưa có; Bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: 03.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/3/2020 đến ngày 18/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1975 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHTT: Tổ 10, phường T, thành phố C, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1955 (đã chết năm 2001) và con bà Vũ Thị L, sinh năm 1952; Có vợ là Nguyễn Thị Thanh Kim H, sinh năm 1981; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/3/2020, đến ngày 18/3/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào hồi 16 giờ 15 phút ngày 15/3/2020, tại khu vực tổ 10, phường T, thành phố C, tỉnh C tổ công tác của Đội cảnh sát điều tra Tội phạm về kinh tế và ma túy Công an thành phố C phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn B đang có hành vi tàng trữ 01 gói được gói bên ngoài bằng mảnh giấy (loại giấy vé xổ số), bên trong là chất bột màu trắng ở trong túi áo khoác bên phải đang mặc trên người. B khai nhận số chất bột trên là Heroine của B tàng trữ để sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Văn B khai nguồn gốc số heroine trên B có được là do mua của Phìn Văn V ở tổ 2, phường Đ, thành phố C với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) vào khoảng 16 giờ ngày 15/3/2020, sau khi mua được Heroine, B trên đường mang về sử dụng thì bị Công an bắt quả tang.

Mở rộng điều tra, vào hồi 17 giờ 50 phút cùng ngày 15/3/2020, khám xét khẩn cấp người, đồ vật, chỗ ở của Phìn Văn V tại địa chỉ trên. Kết quả khám xét Phìn Văn V đã tự giác đi vào học tủ ở đầu giường ngủ lấy ra và giao nộp 01 gói được gói bên ngoài bằng mảnh giấy màu trắng, có in chữ màu đỏ, bên trong là chất bột màu trắng và lấy trong chăn trên giường ngủ ra 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng, mở ra bên trong có 02 gói nhỏ được gói bằng nilon màu xanh, gói thứ nhất bên trong có 01 viên nén màu hồng, gói thứ hai bên trong có 02 viên nén màu hồng; Phìn Văn V giao nộp số tiền 14.300.000 đồng (*mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) để Công an tạm giữ, trong đó có 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) là tiền V bán Heroine cho B mà có. Phìn Văn V khai nhận toàn bộ số chất bột màu trắng là Heroine và 03 V nén màu hồng là ma túy loại hồng phiến của V tàng trữ để sử dụng cho B thân. V khai nhận về nguồn gốc số hồng phiến là do trước tết âm lịch năm 2020 khi V đi chạy xe ôm thì gặp và được một người bạn cũ tên là H nhà ở tỉnh L (V không rõ lai lịch) cho 05 viên hồng phiến và sau đó V đã sử dụng hết 02 viên còn 03 viên thì V cất giấu ở đầu giường ngủ; đối với nguồn gốc số Heroine trên là do khoảng ngày 07-08/3/2020 V mua được của một người đàn ông tên là Ch (V không rõ lai lịch) ở chợ Mường So, huyện P, tỉnh C với giá 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được heroine V mang về nhà và đã sử dụng nhiều lần, số còn lại V cất trong túi áo treo trong phòng cạnh buồng ngủ. Đến khoảng 16 giờ ngày 15/3/2020, khi V đang ở nhà thì Nguyễn Văn B đến chơi và hỏi mua 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) heroine, do cùng là bạn nghiện cùng đi uống thuốc Methadone B nói đang lên cơn nghiện nên V đồng ý. B đưa cho V 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), V cầm tiền đi sang buồng bên cạnh lấy gói Heroine từ trong túi áo đang treo trong buồng ra chia làm hai phần, một phần gói bên ngoài bằng mảnh giấy in chữ màu đỏ, một phần gói bên ngoài bằng mảnh giấy loại vé xổ số, sau đó V mang cả hai gói Heroine quay lại buồng nơi B đang đợi và đưa cho B 01 gói được gói bằng mảnh giấy loại vé xổ số, gói còn lại Phìn Văn V cất giấu ở học tủ đầu giường để sử dụng.

Cùng ngày 15/3/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C thành lập hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng và gửi mẫu giám định.

Kết luận giám định số 120/GĐ-KTHS ngày 17/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận: vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn B có khối lượng là 0,11 gam (không phải mười một gam) là ma túy, loại Heroine (bút lục 77).

Kết luận giám định số 119/GĐ-KTHS ngày 18/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận: vật chứng thu giữ của Phìn Văn V gồm: 01 mẫu chất bột màu trắng (ký hiệu M1) gửi giám định là ma túy loại Heroine, có khối lượng 0,05 gam (không phải không năm gam); 02 V nén, màu hồng (ký hiệu M2, M3) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,25 gam (không phải hai mươi lăm gam).

Các vấn đề khác của vụ án:

Về nguồn gốc 0,25 gam Methamphetamine cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C thu giữ được của bị cáo Phìn Văn V, theo lời khai của bị cáo V số ma túy trên V có được là do V đi chạy xe ôm thì gặp và được một người bạn cũ tên là H nhà ở tỉnh L (V không rõ lai lịch) cho 05 viên hồng phiến, sau đó V đã sử dụng hết 02 viên còn 03 viên thì V cất giấu ở đầu giường ngủ. Đối với nguồn gốc 0,05 gam Heroine thu giữ của bị cáo V và 0,11 gam Heroine thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B (V bán cho B) là do V mua được của một người đàn ông tên là Ch (V không rõ lai lịch) ở chợ Mường So, huyện P, tỉnh C với giá 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*). Kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người tên H, người tên Ch nên không có cơ sở để giải quyết.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn B khai: vào thời gian trước khi bị bắt khoảng 01 tuần (B không nhớ cụ thể) B còn mua được của bị cáo Phìn Văn V 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) và đã sử dụng hết. Quá trình điều tra, kết quả đối chất giữa bị cáo Phìn Văn V và bị cáo Nguyễn Văn B, V không thừa nhận đã bán 02 lần Heroine cho B. Ngoài lời khai duy nhất của B không còn tài liệu khác chứng minh nên không đủ cơ sở để xử lý V về hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 28/CT-VKSTP ngày 14/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh C đã truy tố Phìn Văn V về các tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn B về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phìn Văn V phạm các tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn B về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phìn Văn V từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phìn Văn V từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội là từ 13 năm đến 14 năm tù, khấu trừ 03 ngày tạm giữ; Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của B án số 09/2011/HSST ngày 12/12/2011 của TAND thị xã Lai Châu là 09 (chín) năm 08 (tám) tháng 14 (mười bốn) ngày tù, tổng hợp chung bị cáo phải chấp hành từ 22 (hai mươi hai) năm 08 (tám) tháng 11 (mười một) ngày tù đến 23 (hai mươi ba) năm 08 (tám) tháng 11 (mười một) ngày tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày.

Hình phạt bổ sung: đề nghị hội đồng xét xử áp xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo;

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 mảnh giấy loại vé xổ số, 01 mảnh giấy màu trắng, có in chữ màu đỏ, 01 mảnh nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh. Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng; Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Miễn tiền án phí cho bị cáo Phìn Văn V.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Cáo trạng, Kết luận nêu trên.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của B thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được mức án thấp nhất để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội làm công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuy nhiên đối với Quyết định khởi tố bị can số 13/QĐ-ĐCSKT-MT ngày 18/3/2020 (bút lục số 16), Đề nghị phê chuẩn quyết định khởi tố bị can số 13/ĐN-ĐCSKT-MT ngày 18/3/2020 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C (Bút lục số 19, 20) và Quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can số 17/QĐ-VKSTP ngày 18/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C (Bút lục số 21) khởi tố bị can Phìn Văn V về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là chưa đúng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên kết quả sau quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C ban hành kết luận điều tra số 24/KLĐT-ĐCSKT-MT ngày 15/6/2020 (bút lục số 156 -159) và Viện kiểm sát nhân dân thành phố C ban hành Cáo trạng số 28/CT-VKSTP ngày 14/7/2020 (bút lục 169-172) truy tố bị can Phìn

Văn V về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét về thẩm quyền tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Phìn Văn V, theo hướng dẫn tại mục 1 phần II Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao có quy định về thẩm quyền tổng hợp hình phạt đối với hình phạt là tù chung thân hoặc tử hình thuộc thẩm quyền tổng hợp hình phạt của TAND cấp tỉnh, do đó xác định việc tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Phìn Văn V thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Khoảng 16 giờ ngày 15/3/2020 tại nơi ở của mình thuộc tổ 2, phường Đ, thành phố C, tỉnh C, Phìn Văn V đã bán cho Nguyễn Văn B 0,11 gam Heroine với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Nguyễn Văn B trên đường mang Heroine về sử dụng, khi đi đến khu vực tổ 10 phường T, thành phố C thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố C kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Hành vi phạm tội như trên của bị cáo Nguyễn Văn B thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a.

b.

c. Heroine, Cocaine, Methamphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 01 gam đến dưới 05 gam.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Văn B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C mở rộng điều tra vào hồi 17 giờ 50 phút cùng ngày 15/3/2020, thông qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Phìn Văn V, bị cáo V đã tự giác giao nộp 0,05 gam Heroine và 0,25 gam Methamphetamine đang tàng trữ mục đích để sử dụng cho B thân. Tổng khối lượng ma túy mà Phìn Văn V tàng trữ để sử dụng là 0,3 gam. Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phìn Văn V thừa nhận có bán Heroine cho bị cáo B 01 lần vào ngày 15/3/2020 là phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn B, phù hợp với vật chứng thu giữ.

Bị cáo Phìn Văn V có 03 tiền án, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như nêu trên trong thời gian đang được hoãn thi hành án phạt tù cho đến nay do bị bệnh nặng (HIV-AIDS) theo quyết định hoãn thi hành án phạt tù số 02/2012/QĐ-CA ngày 19/01/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu (nay là thành phố C) với mức hình phạt được hoãn chấp hành là 09 năm 08 tháng 14 ngày do đó có đủ căn cứ xác định bị cáo Phìn Văn V đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà

lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, do đó các hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” của bị cáo đều thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 và điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a.

b.

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a.

b.

c.

.....

o. Tái phạm nguy hiểm.

Điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a.

b.....

.....

q. Tái phạm nguy hiểm.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên B bắt người phạm tội quả tang, biên B khám xét, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Phìn Văn V và Nguyễn Văn B là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng; hành vi của bị cáo Phìn Văn V là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất rất nghiêm trọng. Bị cáo V là người bị kết án đang được hoãn thi hành án phạt tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà lại còn tiếp tục phạm tội. Hành vi của hai bị cáo xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu của B thân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Phìn Văn V có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều

249 Bộ luật hình sự và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tại phiên tòa là có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân:

- Bị cáo Nguyễn Văn B có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự;
- Bị cáo Phìn Văn V có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo có 03 tiền án tại các B án: Bản án số 14/HSST ngày 18/01/2001 của Tòa án nhân dân huyện Phong thổ, tỉnh Lai Châu (cũ) áp dụng khoản 1 Điều 197 Bộ luật hình sự xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bản án số 48/2005/HSST ngày 27/5/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, khoản 1 Điều 198, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt 09 năm tù về các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bản án số: 09/2011/HSST ngày 12/12/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu (nay là thành phố C) áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, xử phạt 07 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt còn lại của Bản án số 48/2005/HSST ngày 27/5/2005 của TAND tỉnh Lai Châu, hình phạt chung Phìn Văn V phải chấp hành là 09 năm 08 tháng 14 ngày tù. Ngày 19/01/2012, được TAND thị xã Lai Châu (nay là thành phố C) ra Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù. Lý do: Phìn Văn V đang bị bệnh nặng (HIV/AIDS). Hiện bị cáo chưa được xóa án tích.

Theo lý lịch trong Bản án số 09/2011/HSST ngày 12/12/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu (nay là thành phố C) xác định bị cáo có mẹ tên Pờ Thị Dẻo, sinh năm 1943, bố tên Phìn Văn Dủ, sinh năm 1943. Ngày 31/8/2020 Chánh án Tòa án nhân dân thành phố C đã ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 03/2020/TB-TA về việc đính chính tên mẹ bị cáo Phìn Văn V từ “Pờ Thị Dẻo” thành “Pờ Thị S” với lý do lỗi chính tả nhầm lẫn tại Bản án số 09/2011/HSST ngày 12/12/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu (nay là thành phố C).

Công an thành phố C đã thu thập 01 sổ hộ khẩu cấp năm 2014 tên chủ hộ Pờ Thị S, sinh năm 1952 có chồng là ông Phìn Văn D, sinh năm 1946, con Phìn Văn V sinh năm 1977; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Pờ Thị S sinh năm 1952 do Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 17/12/2003; 01 sổ hộ khẩu cấp năm 2000 tên chủ hộ Pờ Thị S, sinh năm 1952 có chồng là ông Phìn Văn D, sinh năm 1946, con Phìn Văn V sinh năm 1977. Đồng thời Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C có công văn số 259/CATP-ĐCSKT-MT ngày 27/7/2020 về việc đối khớp danh, chỉ bản, ảnh bị can”, ngày 28/7/2020 Phòng hồ sơ Công an tỉnh C có công văn số 128/PV06-CCCP về việc đối chiếu thông tin và điểm chỉ đường vân trên danh chỉ bản của đối tượng và xác định danh chỉ số 61 lập ngày 15/8/2011 tại Công an thị xã Lai Châu, tỉnh C đối với đối tượng Phìn Văn V (danh chỉ bản của hồ sơ bản án số 09/2011/HSST ngày 12/12/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu) và danh

chỉ số 28 lập ngày 25/3/2020 tại Công an thành phố C, tỉnh C đối với đối tượng Phìn Văn V là của cùng một người. Do vậy có đủ cơ sở xác định bị cáo có tên là Phìn Văn V, tên gọi khác Phìn Văn N, sinh năm 1977; có bố tên Phìn Văn D, sinh năm 1946 và mẹ tên Pờ Thị S, sinh năm 1952.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo. Đồng thời bị cáo Phìn Văn V có bố là ông Phìn Văn D được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì theo quyết định số 93KT/CT ngày 17/3/1999. Ngoài ra bị cáo còn là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo, bản thân bị cáo mắc bệnh nặng (HIV-AIDS). Do vậy bị cáo V còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp nhằm tiếp tục răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Phìn Văn V đã 03 lần bị Tòa án nhân dân xét xử nhưng bản thân bị cáo vẫn coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phìn Văn V và theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn mặt khác các bị cáo còn phải chấp hành án phạt tù nên Hội đồng xét xử cần quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 0,11 gam Heroine thu giữ của Nguyễn Văn B trong quá trình bắt người phạm tội quả tang; 0,05 gam Heroine và 0,25 gam Methamphetamine thu giữ của Phìn Văn V trong quá trình khám xét khẩn cấp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã gửi toàn bộ giám định, sau giám định không hoàn lại mẫu vật là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C (theo hồ sơ bên trong là 01 mảnh giấy loại vé xổ số). Mặt trước của phong bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Nguyễn Văn B, SN 1975, trong quá trình bắt quả tang ngày 15/3/2020”.

- Đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C (theo hồ sơ bên trong là 01 mảnh giấy màu trắng, có in chữ màu đỏ, 01 mảnh nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh). Mặt trước của phong bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Phìn Văn V, SN 1977 trong quá trình khám xét ngày 15/3/2020”.

Hội đồng xét xử xét thấy những vật chứng ghi trên là công cụ, phương tiện phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C (theo hồ sơ bên trong là 200.000 đồng). Mặt trước của phong bì niêm phong có ghi “Số tiền 200.000 đồng thu giữ của Phìn Văn V, SN 1977 trong quá trình khám xét khẩn cấp ngày 15/3/2020”. Hội đồng xét xử xét thấy vật chứng ghi trên là tiền do bị cáo V phạm tội mà có, là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 14.300.000 đồng Cơ quan điều tra Công an thành phố C đã tạm giữ của bị cáo Phìn Văn V trong quá trình khám xét khẩn cấp ngày 15/3/2020, trong đó 200.000 đồng là tiền do V bán Heroine cho B mà có. Quá trình điều tra xác định số tiền 14.100.000 đồng là tài sản có nguồn gốc hợp pháp của bà Pờ Thị S, sinh năm 1952 (là mẹ bị cáo Phìn Văn V), không liên quan đến hành vi phạm tội, nên ngày 22/5/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả lại số tiền 14.100.000 đồng cho bà Pờ Thị S là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Phìn Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên trong hồ sơ và tại phiên tòa có tài liệu xác định bị cáo thuộc hộ nghèo theo giấy chứng nhận hộ cận nghèo, hộ nghèo số 02/GCN-HN.HCN ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường Đoàn Kết, thành phố C, tỉnh C đồng thời bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Phìn Văn V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 13 (mười ba) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 12 (mười hai) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phìn Văn V 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phìn Văn V 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 13 (mười ba) năm tù, bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 12 (mười hai) năm 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của B án số 09/2011/HSST ngày 12/12/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Lai Châu (nay là thành phố C), tỉnh C là 09 (chín) năm 08 (tám) tháng 14 (mười bốn) ngày tù. Hình phạt chung bị cáo Phìn Văn V phải chấp hành là 22 (hai mươi hai) năm 08 (tám) tháng 11 (mười một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

[3] Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C (theo hồ sơ bên trong là 01 mảnh giấy loại vé xổ số). Mặt trước của phong bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Nguyễn Văn B, SN 1975, trong quá trình bắt quả tang ngày 15/3/2020”.

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C (theo hồ sơ bên trong là 01 mảnh giấy màu trắng, có in chữ màu đỏ, 01 mảnh nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh). Mặt trước của phong bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định thu giữ của Phìn Văn V, SN 1977 trong quá trình khám xét ngày 15/3/2020”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thành phố C, tỉnh C, mặt trước của phong bì niêm phong có ghi “Số tiền 200.000 đồng thu giữ của Phìn Văn V, SN 1977 trong quá trình khám xét khẩn cấp ngày 15/3/2020”.

(Tình trạng vật chứng theo biên B giao nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 17/7/2020 giữa Công an thành phố C, tỉnh C và Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh C).

[4] Về án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phìn Văn V.

[5] Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn B, Phìn Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Công an thành phố C;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh C;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Nga